

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **967** /UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **27** tháng 02 năm 2024

V/v thực hiện Kết luận
kiểm toán Báo cáo quyết toán
ngân sách địa phương
năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Tây, Mộ Đức, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Lý Sơn, Trà Bồng, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 284/KTNN-TH ngày 25/12/2023 của Kiểm toán nhà nước; theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 567/STC-NS ngày 22/02/2024; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc và kịp thời các nội dung sau:

I. Điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo quyết toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

II. Xử lý tài chính:

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo Kiểm toán nhà nước về kiến nghị thu hồi, giảm chi ngân sách số tiền 57.142.770.000 đồng

III. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và khắc phục hạn chế, tồn tại:

1. Khắc phục hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý, sử dụng tài chính công:

a) UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát đối với nguồn kinh phí khác năm 2021 sang năm 2022 của khối huyện, xã số tiền 289.575 triệu đồng để thực hiện hủy bỏ, thu hồi về ngân sách nhà nước các khoản chuyển nguồn không đúng quy định, không có nhu cầu sử dụng hoặc quá thời gian giải ngân theo quy định; thu hồi toàn bộ các khoản ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương năm 2021 trở về trước quản lý, sử dụng không đúng quy định hoặc hết thời gian giải ngân để cắt giảm bội chi ngân sách trung ương theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 91/2023/QH15 (nếu có) (như phụ lục kèm theo).

b) Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và HĐND tỉnh xem xét, quyết định phù hợp theo quy định của pháp luật, đối với khoản

kinh phí chuyển nguồn chưa đảm bảo quy định, đã phân bổ sử dụng trong năm 2022 số tiền 4.545 triệu đồng (*nguồn ngân sách tỉnh 3.727 triệu đồng và nguồn TW 818 triệu đồng*).

2. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm:

a) Sở Tài chính:

a1) Rút kinh nghiệm trong việc chưa kịp thời nộp trả ngân sách trung ương các nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu còn thừa, hết nhiệm vụ chi.

a2) Rút kinh nghiệm trong việc tham mưu trình UBND tỉnh chi chuyển nguồn kinh phí năm 2021 sang 2022 số tiền 4.545 triệu đồng chưa đảm bảo quy định khoản 3 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước.

a3) Rút kinh nghiệm trong việc chưa tổng hợp đầy đủ số liệu quyết toán theo Phụ lục 02, các mẫu biểu 2a, 2b và 2c của 05 đơn vị, chưa ban hành thông báo kết quả thẩm tra quyết toán quy định tại điểm 3, Điều 6 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc để phát sinh mới nợ đọng XDCB đến ngày 31/12/2022: 51.788 triệu đồng, cụ thể:

b1) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh: 2.800 triệu đồng

b2) Sở Giáo dục và Đào tạo: 931 triệu đồng

b3) UBND huyện Bình Sơn: 867 triệu đồng

b4) UBND thành phố Quảng Ngãi: 85 triệu đồng

b5) UBND huyện Tư Nghĩa: 21.267 triệu đồng

b6) UBND huyện Nghĩa Hành: 11.885 triệu đồng

b7) UBND huyện Sơn Hà: 6.702 triệu đồng

b8) UBND huyện Lý Sơn: 7.251 triệu đồng

IV. Xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan: UBND các huyện, thị xã, thành phố làm rõ trách nhiệm và tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc để tồn đọng nợ xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2022 đối với các dự án đã phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành nhưng chưa bố trí kế hoạch vốn để trả nợ 110.289 triệu đồng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

1. UBND huyện Bình Sơn: 25.993 triệu đồng.

2. UBND huyện Sơn Tịnh: 3.962 triệu đồng.

3. UBND thành phố Quảng Ngãi: 6.210 triệu đồng.

4. UBND huyện Tư Nghĩa: 9.079 triệu đồng.

5. UBND huyện Mộ Đức: 6.130 triệu đồng.

6. UBND thị xã Đức Phổ: 32.145 triệu đồng.

7. UBND huyện Nghĩa Hành: 10.791 triệu đồng.

8. UBND huyện Minh Long: 5.263 triệu đồng.

9. UBND huyện Ba Tơ: 2.134 triệu đồng.

10. UBND huyện Sơn Hà: 6.461 triệu đồng.

11. UBND huyện Trà Bồng: 2.122 triệu đồng.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định đây là nhiệm vụ chính trị trong thực thi nhiệm vụ, khẩn trương thực hiện nghiêm túc các kiến nghị kiểm toán và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (*gửi về Sở Tài chính*) **trước ngày 10/3/2024** (*kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh*). Đối với các kiến nghị chưa thực hiện, đang thực hiện phải nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm tổ chức, cá nhân liên quan và xác định thời gian hoàn thành. Sau thời gian nêu trên, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện báo cáo kết quả thực hiện hoặc đã báo cáo nhưng chưa đảm bảo yêu cầu nêu trên thì phải chịu trách nhiệm giải trình trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Sở Tài chính chịu trách nhiệm rà soát nội dung, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Kiểm toán nhà nước **trước ngày 25/3/2024**/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước KV III;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH.Tien60.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Phiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số **967** /UBND-KTTH ngày **27**/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	GHI CHÚ
	Tổng cộng	289.575	
I	Thành phố Quảng Ngãi	221.909	
1	Nguồn chuyển nguồn từ các năm trước được HĐND thành phố thống nhất bố trí tiếp tục thực hiện trong năm 2022	151.881	
2	Kinh phí chi từ nguồn thu đấu giá lô sạp Chợ Quảng Ngãi	60.014	
3	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19	9.934	
4	Kinh phí tài khoản tiền gửi chuyển nguồn sang năm 2022	80	
4.1	Văn phòng thành phố	21	
4.2	Trung tâm Y tế thành phố	59	
II	Huyện Sơn Hà	2.527	
1	Kinh phí công an viên	732	
2	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19	1.795	
III	Huyện Bình Sơn	14.771	
1	Kinh phí tiền lương còn thừa chuyển sang	3.401	
2	Kinh phí hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND	6.204	
3	Kinh phí phòng, chống dịch tả lỵ Châu Phi	0	
4	Kinh phí hoạt động của Tổ ANND	1.653	
5	Kinh phí lực lượng dân phòng	465	
6	Kinh phí đội công tác tình nguyện	30	
7	Kinh phí trực đêm lực lượng dân quân 12/24	1	
8	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi	7	
9	Kinh phí trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc	36	
10	Kinh phí sửa chữa các công trình	249	
11	Kinh phí lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030	1.298	
12	Kinh phí cấp từ nguồn đấu giá đất năm 2021	101	
13	Kinh phí thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng thị trấn châu ở huyện Bình Sơn	149	
14	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19	1.177	
IV	Huyện Tư Nghĩa	3.614	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	GHI CHÚ
1	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19	200	
2	Kinh phí huy động, đóng góp cấp xã để xây dựng cơ sở hạ tầng	3.414	
V	Huyện Trà Bồng	1.144	
1	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19	1.144	
VI	Huyện Mộ Đức	14.308	
1	Vốn phân cấp	107	
2	Tiền sử dụng đất	5.602	
3	Kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em, người đang điều trị covid - 19	3	
4	Kinh phí thực hiện một số chính sách giáo dục	214	
5	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ATGT (Chi phí bồi thường GPMB làm đèn giao thông điểm đen)	2.767	
6	Dự phòng chi (kinh phí thực hiện công tác phòng chống Covid-19)	4.451	
7	KP đóng góp ủng hộ phòng chống Covid	91	
8	Thu đóng góp XDCSHT	1.072	
VII	Huyện Sơn Tây	3.150	
1	Tạm ứng kinh phí nhà ở 167 năm 2015	3.150	
VIII	Huyện Sơn Tịnh	10.031	
1	Kinh phí đấu giá đất Khu dân cư Hồ Rọ	71	
2	Kinh phí cân đối (định mức)	2.591	
4	Kinh phí đấu giá đất Khu dân cư Đồng Hai Đạo	95	
5	Kinh phí thu gom rác, xử lý rác thải	254	
6	Kinh phí bảo vệ rừng	0	
7	Kinh phí đấu giá đất Điểm dân cư Ngõ ông Tòng	115	
8	Kinh phí nông thôn mới	369	
9	Kinh phí đấu giá đất Khu dân cư Gò Miếu	2.349	
10	Kinh phí đấu giá đất Điểm dân cư lẻ tẻ	307	
11	Tổ an ninh nhân dân	197	
12	Kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa	31	
13	Kinh phí sửa chữa trường	10	
14	Kinh phí Nông thôn kiểu mẫu	3	
15	Kinh phí phòng chống Covid-19	92	
16	Kinh phí dồn điền đổi thửa	85	
17	Kinh phí đấu giá đất	3.440	
18	Kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng	20	
IX	Huyện Minh Long	18.121	
1	Hỗ trợ ủy thác cho Ngân hàng chính sách huyện để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm, duy trì mở rộng việc làm năm 2023	200	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	GHI CHÚ
2	Hỗ trợ cho các đơn vị để mua máy tính để bàn phục vụ nhiệm vụ bảo vệ nhà nước theo Kết luận của Công an về kiểm tra nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước (10 triệu đồng/đơn vị)	100	
3	Bổ trí vốn đối ứng trả nợ công các công trình đã quyết toán hoàn thành thuộc chương trình MTQG NTM và 30a	3.639	
4	Bổ trí kinh phí để thực hiện Dự án cầu sông Phước Giang, xã Long Mai	9.000	
5	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo để thực hiện một số nhiệm vụ trường đạt chuẩn và một số chế độ cho giáo viên	225	
5	Kinh phí ngân sách xã hết nhiệm vụ chi trả về ngân sách huyện	804	
6	Kinh phí thực hiện chi đảm bảo xã hội (kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg) hết nhiệm vụ chi trả về tỉnh	519	
7	Kinh phí hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND	3.247	
8	Kinh phí hoạt động của Tổ ANND	276	
9	Trường THCS Long Mai HM: Nhà hiệu bộ, dãy lớp học chức năng, nhà đa năng, sân nền, sân vườn và tường rào (Theo BB thẩm định quyết toán vốn đầu tư XD CB năm 2021 ngày 07/6/2022 của Sở Tài chính)	111	